

# MỘT KIẾP NGƯỜI

## Chương Một

### *Làng tôi*

Làng tôi cũng như trăm ngàn làng khác ở Bắc Việt Nam, có lũy tre xanh bao bọc, phía trong là hào sâu, đó là con rạch đào sâu độ một thước rưỡi tây, rộng độ vài ba thước, hai bên trồng tre thật dày đặc, chẳng khác gì một thành lũy, rất kiên cố, có khả năng bảo vệ dân làng, rất hữu hiệu khi phải chống với bọn cướp có vũ khí thô sơ, ra vào làng có bốn cổng chính, mỗi cổng là một điểm gác (đồn gác), do tuần phu kiểm soát, đứng đầu là một ông trương tuần, ăn lương của làng do những người có tài sản, ruộng vườn đóng góp cho họ bằng những bông lúa trực tiếp ngay ở bờ ruộng khi thu hoạch lúa mùa hay lúa chiêm. Số tuần phu tùy thuộc vào số hộ khẩu trong làng, những người này dưới sự điều động của lý trưởng (xã trưởng, trưởng làng, chủ tịch xã...) Dân trong làng từ 18 tuổi trở lên đều phải ghi tên vào sổ dân đinh, mỗi thanh niên đều phải sắm gậy tre, giáo mác, cung cứng, tên tre, nỏ (một loại cung biến chế cho những người yếu sức để sử dụng có lẽ là một vũ khí đặc biệt của Việt Nam. Nó là một mảnh gỗ dài khoảng 60 hay 70 cm, trên mặt miếng gỗ bào nhẵn, chính giữa miếng gỗ đục một lỗ nhỏ bằng hai ngón tay cái, cho vào đó một miếng sừng trâu đặc, gọi là cái cò, đầu cái cò người ta khoét một cái rãnh to bằng nửa ngón tay giữa, từ đầu cái cò, trên miếng gỗ người ta đục một cái rãnh to khoảng nửa ngón tay út chạy từ đó cho đến hết đầu miếng gỗ, gọi là rãnh để tên, cách đầu miếng gỗ khoảng độ năm ly (5cm) người ta đục một lỗ cho cánh cung vào, cánh cung này làm bằng thân tre đục thật cứng, dây nỏ thường làm bằng dây gai se lại cho thật săn, nhỏ hơn ngón út. Khi bắn nỏ, xạ thủ phải để đuôi miếng gỗ vào rốn mình, rồi hít một hơi dài khiến khí dồn vào đan điền, lấy sức chịu đựng khi kéo dây nỏ để vào rãnh ở đầu cái cò, rồi dùng tay trái lấy tên ở cái túi đựng để trên lưng, miệng túi hướng về vai phải cho dễ lấy, bấy giờ xạ thủ đưa phía dưới miếng gỗ lên bả vai, má áp vào miếng gỗ như áp vào báng súng, đầu nỏ hướng về phía vật muốn bắn, mắt trái nhắm lại, mắt phải mở ra, nhắm làm sao từ đầu lấy cò, đầu mũi tên và vật định bắn là một đường thẳng, khi đó mới nẩy cò, trúng đích hay không tùy thuộc vào tài khéo léo, và sự thực tập của xạ thủ. Tên thường dùng bằng tre đục đầu vót thật nhọn, cuối mũi tên có nhét vào một miếng tre nhỏ mỏng như hai cánh chim cho tên theo gió đi được xa). Những thanh niên này đều được huấn luyện sử dụng vũ khí nói trên, khi nghe tiếng báo động bằng trống đánh liên thanh và tù và (làm bằng sừng trâu, dùng hơi thổi, tiếng vọng đi rất xa) họ phải lập tức chạy đến địa điểm tập trung mang theo đầy đủ vũ khí cá nhân.

Ngày xưa, thời vua chúa, quân lính ít nên họ chỉ đóng quân ở những thị trấn lớn, không đủ khả năng bảo vệ ở những xóm làng xa xôi, đây là chưa kể họ còn khệnh khạng, dènh dàng khi được tin cấp báo, cố ý làm sao đến nơi hiện trường thì bọn giặc cướp đã tẩu tán hết rồi, khi đó họ tha hồ mà hạch sách, vùi vĩnh dân làng, cho nên dân làng đành phải tổ chức tự phòng thủ lấy mình.

**Giặc Cai Tổng Vàng:**

Những chuyện mà những bô lão trong làng thường kể lại cho con cháu nghe trong những dịp trà dư tửu hậu hay chung quanh nồi bánh chưng đêm ba mươi tết là chuyện dân làng chống giặc cướp vào thời xa xưa, rất gan dạ, rất hào hùng mà bọn trẻ chúng tôi nghe mãi không biết chán đó là chuyện kể “giặc Cai Tổng Vàng”.

Vào khoảng năm 18..., dưới triều vua Tự Đức, có một người to lớn vạm vỡ, võ nghệ cao cường, tên Vàng, đã phục vụ chính quyền Tự Đức với chức Cai Tổng, bắt mẫn với quan lại địa phương, tham nhũng, hối mại quyền thế, ức hiếp dân lành, làm dân tình đói khổ điêu đứng, nên anh ta phát cờ khởi nghĩa, dân nghèo theo rất đông, tự xưng là Oai Vũ Tướng quân, chúng thường hoành hành ở những tỉnh Hà Nam, Ninh Bình, Gia Viễn, Chi Nê... chúng hành sự rất sảo quyệt, bá đạo, chột biến chột hiện, quan quân đến đông thì chúng chạy trốn vào khu rừng trùng trùng điệp điệp giữa Hà Nam và Ninh Bình, quan quân hành quân với quân số ít thì chúng chặn đánh, cướp lương thực, khiến dân trong vùng nghe danh là hoảng sợ, thường gọi chúng là giặc Cai Tổng Vàng. Lâu la thường vận đồng phục màu đen, đầu chít khăn màu vàng, thường dùng mã tấu, trường thương, đại đao, cung cứng, tên tre nhưng có bịt sắt ở đầu mũi, những đầu mục thường cưỡi ngựa, ăn vận có khác biệt nhưng đều chít khăn màu vàng, cờ hiệu cũng màu vàng.

Một đêm mùa đông tối trời, lạnh lẽo, dân làng đang an giấc trong ổ rom ấm áp thì đột nhiên tiếng tù và inh ỏi, tiếng trống liên hồi thôi thúc ở ngay trong làng vọng ra, như chưa từng có bao giờ xảy ra, mọi người ngỡ ngàng, hoảng sợ không hiểu chuyện gì, thanh niên trai tráng vội vàng đem theo khí giới phòng thân, chạy đến địa điểm tập trung, còn ông già bà cả, đàn bà trẻ con phải nằm tại nhà mà chịu trận, run sợ, chờ lệnh hướng dẫn của tiếng trống, tiếng tù và.

Cai Tổng đương chức (chánh tổng, chỉ huy mấy xã) là tổng chỉ huy tráng đinh, tuần phủ và các lực lượng dân phòng trong tổng ra lệnh cho các chức sắc trong làng:

- Một mặt mật báo cho huyện quan biết và xin tiếp cứu
- Một mặt cho thanh niên trai tráng phải di tản các bô lão và đàn bà trẻ con ra khỏi làng bằng một đường bí mật đến một nơi tạm trú an toàn, sau đó họ phải trở về những địa điểm tập trung ngoài làng, chờ đợi những đội trai tráng ở những làng xung quanh sang tiếp viện, lúc đó là lúc ta tấn công vào làng tiêu diệt địch là thích hợp nhất, vì lúc đó chính là lúc chúng đang đào vàng bạc, tìm của chìm của nổi và mổ trâu bò ăn uống rượu chè phê phờ ở những nhà giàu có trong làng.
- Còn tuần đinh thì phải chia ra từng toán nhỏ phục ở những nhà tranh rách nát, nghèo nàn, những nơi này chúng không thèm để ý đến.
- Hai toán trinh sát phải bám sát địch và tìm cách thông tin cho bộ chỉ huy biết.
- Anh em phải cố gắng thi hành lệnh di tản, vì địch mạnh ta yếu, không thể đánh trực diện, mà phải dùng mưu để bảo toàn nhân mạng mà thủ thắng.

Nói xong mọi người đều biến vào bóng tối, theo ngõ ngang đường tắt mà đi hành sự

Một tràng pháo lớn nổ, tiếp theo tiếng hò reo của bọn cướp cùng với những bó đuốc bùng cháy, hướng vào những nhà giàu tràn đến như nước vỡ bờ, “bật hồng, bật hồng” tiếng hò của bọn cướp nghĩa là đốt lửa lên, có lệnh đốt lửa lên, tiếng chân người chạy, tiếng kêu khóc hoảng sợ của đàn bà con trẻ, tiếng phá rào, tiếng tường đổ, tiếng gươm giáo va chạm, tiếng gậy gộc đập phá, tiếng ngựa hí, tiếng trâu bò rống, tiếng heo bị chọc tiết, tiếng chó sủa hòa lẫn những tiếng trống liên hồi, tiếng tù và không ngớt truyền đi khắp cả vùng, làng xóm chung quanh, cả tổng náo loạn, cả huyện kinh hoàng, nhưng mọi người đều hiểu rằng làng đã bị quân cướp tràn ngập, ở những nơi ẩn nấp, các bô lão hồi hộp, lo lắng, khóc lóc, cầu nguyện Phật trời cho chóng qua cơn ác mộng.

Bọn cướp vào được trong làng, hết sức dễ dàng không gặp sức kháng cự đáng kể, nên kiêu ngạo, mặc sức tung hoành, vơ vét, đào bới, đốt phá, giết heo bò khao quân, coi như đại bản doanh của mình. Chúng cho đóng các cổng làng lại, phòng thủ cẩn mật, dọc theo hào sâu làm chiến lũy tin rằng với sức của dân làng không thể phá nổi được trong một thời gian ngắn cho nên từ tên Đại Vương Cai Tổng Vàng cho đến tên lâu la hạng bét cũng đều ra sức nhậu nhẹt đập phá, nào kể gì đến tiếng trống tiếng la dồn dập, thúc bách, hùng hổ có tính cách trình diễn của bọn chức sắc chết nhát chung quanh, rồi chúng cũng rơi vào vô vọng cho bọn đầu đen thức tỉnh mà hiểu rằng chỉ có bọn ta mới là người cảm tính mệnh và tài sản của các người mà thôi. Quả nhiên, đến gần sáng thì mọi tiếng ồn ào hoảng loạn, tiếng chiêng trống, tiếng đồng la, tiếng tù và, đều thưa dần và rồi im bật, mà trở về cái im lặng, quạnh hiu, cô hữu của những làng hẻo lánh, rừng rú, xa xôi với những tiếng chim ca riu rít, vượn hót du dương để đón chào bình minh như thường lệ như không còn vương vấn một chút gì trong một đêm hoảng loạn đầy chết chóc, tàn phá vừa qua.

Nhưng đột nhiên tiếng chiêng trống, tiếng tù và tiếng ngựa hí quân reo, lại nổi dậy và dồn dập vọng đến, khí thế càng lúc càng mãnh liệt, như trời sập đất vỡ, thì ra đó là quân cứu viện của các xã, tổng đang ào ạt kéo đến vây chặt chung quanh làng, những tráng đinh nai nịt gọn gàng với đủ loại khí giới: gậy gộc, giáo mác, đinh ba, mã tấu, trường thương, trường đao, cung, nỏ, khiên, thang, câu liêm... tiến thoái nhịp nhàng, có trật tự, có kỷ luật, sát khí đằng đằng như muốn lao vào vòng chiến ngay lập tức để cứu họ hàng đang bị giặc bắt làm con tin. Viên chỉ huy toàn quân là ông cai tổng Uy Viễn, họ Nguyễn, đầu chít khăn nhiễu Tam Giang, mình mặc áo gấm màu đen sẫm, lưng đeo trường kiếm, cưỡi con ngựa màu nâu cao lớn, ung dung đưa ông nhóm quan sát trận địa, lát sau người quay lại phía sau ra lệnh gọi loa chiêu hàng, đứng theo “tiền lễ hậu binh”. Tiếng loa tám phương bốn hướng đều hướng vào làng mà phát thanh: “Hỡi bọn giặc Cai Tổng Vàng, hãy mau mau đầu hàng, các người đã lọt vào kế “không thành”, mau quy hàng sẽ giữ được toàn mạng, nếu kháng cự, giết hết không tha, đứng ngọ mở cổng đầu hàng, quá ngọ một khắc, sẽ ra lệnh tấn công”. Tiếng loa nhắc đi nhắc lại cùng với tiếng quân reo, ngựa hí phía ngoài làng, càng làm tăng vẻ thê lương, rùng rợn, báo hiệu một cuộc tàn sát đẫm máu sắp xảy ra, thần kinh những tráng đinh trẻ tuổi như

căng thẳng cùng cực, tay run run nhưng cổ cầm chắc khí giới, mắt đăm đăm nhìn vào phía trong làng không chớp mắt vì lần đầu tiên ra trận mà lại là trận lớn đầy sát khí như vậy.

Phía trong vẫn im lìm, không phản ứng, tuy nhiên có mấy cột khói đen bốc lên, lửa cháy lan nhanh ở những khu nhà giàu, khói mịt mù khét lẹt, cùng với tro than bay tứ tung ra mãi phía ngoài làng, nơi tráng đinh đang vây, tạo một bầu không khí ngột ngạt khó thở, bỗng Cai Tổng họ Nguyễn quay nói với người mặc áo gấm có đeo thẻ bài trước ngực trên lưng con ngựa ô đen tuyền, ý hẳn là huyện quan Gia Viễn:

“Bẩm thượng quan, giờ ngo đã đến, xin cho lệnh tấn công, vì chúng không chịu đầu hàng, chúng đang đốt kho thóc, hủy diệt đường sinh lộ của ta, tỏ ý quyết chiến đến cùng, lại có tin thám báo trong làng đưa ra, chúng đang bắt trâu bò tập trung tại nhà bản chức, bản chức e chúng muốn mở đường máu mà ra bằng cách cho đàn trâu bò đi trước, chúng sẽ theo sau thoát thân”.

Người kia gật đầu: “Thầy cai là tổng chỉ huy, tất cả trai tráng, binh lính của huyện, có mặt nơi đây, thầy có toàn quyền điều động, ta làm Giám Sát Quan cho, nhưng ta chỉ lo ngại nếu có mặt cả hai vợ chồng tên Vàng e rằng...”

Cai Tổng Nguyễn vội thưa: “Bẩm, ý hẳn ngại ngại về vợ ba của hắn, võ công cao cường và mưu trí cũng đáng gờm, bản chức đã cho thám sát thì vợ ta không có mặt ở nơi đây vì không thấy bóng dáng đội nữ binh của y thị, vả lại bản chức cũng đang mong có dịp được so tài với vợ chồng tên giặc đó, xem có đúng như lời đồn không?”

Viên tri huyện gật gù: “À ta quên, ái nữ của thầy cũng là một tay nữ kiệt, bọn giặc cướp trong vùng Hoa Lư Gia Viễn này mà nghe danh “Hồng Y Nương” đều phải tránh né, nhờ vậy, dân vẫn được an cư lạc nghiệp, ta cũng được thơm lây, chắc chắn kỳ này, tiểu thư cũng phụ tá thầy trong việc điều binh chứ? Nhưng rất tiếc ta không được xem hai nữ tướng đấu nhau trong trận này cho sáng mắt. Thầy cho ta gửi lời ngưỡng mộ và biết ơn đến “Hồng Y Nương” Nguyễn tiểu thư nhé”

Cai Tổng Nguyễn cúi đầu: “Cám ơn thượng quan quá khen

tiểu nữ, xin tuân lệnh hành sự.”, Nói xong giật cương cho ngựa tiến lên gò cao, đưa mắt quan sát trận địa, tay trái dơ cao cờ lệnh, tay phải để vào đốc kiếm như muốn ra lệnh tấn công, nhưng giữa lúc đó thì bỗng một tràng pháo nổ, trong công làng, trên gò cao đột nhiên xuất hiện một đại hán, to lớn, mặt đen, mắt sếch, râu quai nón, đầu chít khăn màu vàng có thêu kim tuyến, mình mặc bộ nhung phục màu đen, lưng đeo trường kiếm, ngoài khoác áo choàng màu vàng, tay cầm đại đao, trên lưng một chiến mã màu huyết dụ, xúm quanh là mấy tên đầu mục cận vệ dị tướng, tay cầm những khí giới dị hình, đều cưỡi ngựa mạnh, mặt mũi hung hãn, kiêu ngạo, đàng đàng sát khí. Tên chít khăn vàng có thêu kim tuyến, hét to:

“Ta nghe đồn, Cai Tổng Nguyễn cũng là một tay kiêu hùng trong vùng này, nhưng mới nghe danh Bản Tướng Quân đây đã bỏ làng mà chạy, để làng bị cháy, dân bị giết, tại sao không chờ quân ta rút hãy về điều võ dương oai thì đẹp biết mấy ... ha ha ha...nói xong hắn cười lớn... cả bọn phụ họa như vang cả một góc trời.”

“Người bị sa vào kế “**không thành**”, sao không đầu hàng, mà còn hồng hách thật là:

*“Cọp sa bầy tướng thân yên hét hò*

*Chì chái sắp mất chẳng lo*

*Còn lo câu chuyện con bò trắng răng”*

Trích Phạm Lãi Tây Thi của DTPhong

Viên chỉ huy tráng đinh ung dung đáp lại.

Người kia càng cười lớn: “Cái làng nhỏ nhỏ này với mấy trăm tráng đinh ô hợp kia mà định cầm chân Bản Tướng Quân được ư, thật là nằm mơ, có giỏi thì đấu với ta hai trăm hiệp, nếu thắng được ta, ta sẽ rút quân ngay.”

“Cả nằm trên thớt rồi, còn phách lối,” nói xong, Cai Tổng Nguyễn, mặt như đánh lại, đồng dục ra lệnh: “Ba quân nghe lệnh....Cai Tổng Vàng quát thật lớn như có át tiếng nói của Nguyễn Chỉ Huy:

“Vợ, con gái người và mấy chục dân làng đang trong tay ta, nếu người hạ lệnh công thành ta giết ngay họ, khôn hồn thì buông khí giới đầu hàng, ta sẽ tha cho mạng sống cho họ”.

Nguyễn chỉ huy đã đưa cao cờ lệnh lên, nhưng khi nghe tên tướng giặc nói như vậy, bèn ngừng ngay tay lại, và vội đưa mắt quan sát phía trong làng hình như có một toán khoảng vài chục người, đang bị lôi kéo trong đám khói đen dày đặc, không rõ đàn ông hay đàn bà, tuy nhiên cũng khiến ông phân vân, không giám quyết định hấp tấp, tự nghĩ, mọi người trong làng đều đã được di tản hết, đến chỗ an toàn, theo bá cáo của toán hành sự, không lẽ có sự trục trặc mà ta chưa nhận được tin.

Nhất là con gái ta, tuy tuổi trẻ, nhưng khôn ngoan quyền biến, lại có võ công cao cường không dễ gì chúng bắt được và lại nó là trưởng toán hành sự, cùng đi với mẹ và bà nó, có bốn phận ở nơi an toàn để bảo vệ mọi người đâu có trở về làng làm gì? Tội giặc này có tiếng là trí trá, lừa dối, tàn sát, ta phải cẩn thận lắm, không thể bị lừa được. Ông bèn cười lớn: “Tên giặc khôn kiếp, người định lừa dối cả lão Nguyễn này nữa ư, nếu bắt được người thì người đã mang ra đây khoe khoang rồi, có đâu đứng đó khua môi múa mỏ?”

Tuy nói cứng như vậy, nhưng trong lòng Viên Chỉ Huy họ Nguyễn cũng hơi bối rối, nếu quả có chuyện đó xảy ra thật thì phải xử trí ra sao?

Đúng lúc đó, có tiếng ồn ào từ phía đông vọng đến như có tiếng khóc than, cãi cọ, xô đẩy, quát tháo, mỗi lúc một gần, mọi người đều đổ dồn nhãn quan về phía đó, như chờ đợi, sốt ruột, nhất là viên chỉ huy họ Nguyễn. Thì ra đó là một toán dân chạy loạn, phần nhiều là đàn bà, lẫn lộn có vài ba cụ già chống gậy, lưng còng, đang cố tiến về phía bộ chỉ huy, nhưng bị tráng đinh cận vệ ngăn cản, xô sát.

Đứng trên cao vị Chỉ Huy nhìn rõ, nhận ngay ra mẹ mình đi đầu, nửa mừng nửa ngạc nhiên, mừng vì mẹ không bị bắt như tên “giặc tổng Vàng” vừa khoe khoang, vội vàng ra lệnh cho cận vệ không được ngăn cản, và xuống ngựa đón mẹ, mẹ con gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Bà cụ ôm lấy con nức nở: “Đêm qua mẹ lo lắng cho anh quá, thao thức mãi, không ngủ được, hễ chớp mắt là thấy ác mộng, mẹ sợ quá khóc hoài, sáng nay nghe nói con đang đánh nhau với giặc, nên vội rù mấy người đến đây xem thực hư ra sao”

“Mẹ đến đây làm gì, chỗ chiến trường nguy hiểm lắm mẹ ạ, con đã cho con nhỏ Út, chỉ huy toán hành sự di tản bảo vệ mọi người, thế nó đâu rồi, tại sao nó không ngăn cản lại để mẹ đến đây ? Còn thằng Hoà, toán phó của nó cũng không thấy bóng dáng đâu là thế nào, hở mẹ?” Họ Nguyễn từ tốn trả lời mẹ.

Bà già ngạc nhiên: “Thế con Út không ở đây để phụ con à, thế mà ngay đêm qua, khi nó đưa đoàn người đến chỗ tạm trú, nó bảo mẹ là nó nhận lệnh phải trở về tham chiến cùng với con, mẹ năn nỉ thế nào cũng không được làm mẹ nhớ nhưng nó quá, bây giờ nó không ở đây thì nó đi đâu? Bà cụ mếu máo: “Tội nghiệp cho cháu tôi! nó lại là thân con gái, mẹ lo quá”. Nói xong, bà khóc vùi, vị Chỉ Huy càng bối rối, cho lệnh đòi toán phó đến trình diện, nghe lệnh đòi, Hoà cho ngựa tiến lên thì lễ: “Bẩm chủ tướng, toán trưởng giao cho hạ nhân ở lại nơi tạm trú, đảm trách việc bảo vệ dân di tản, còn toán trưởng phải trở về phục lệnh chủ tướng”

Viên chỉ huy bần khoản, lo lắng ra mặt, nhưng cố trấn tĩnh, lên ngựa quan sát trận địa, thì thấy xa xa có một kỵ sĩ đang phóng ngựa như bay, dáng người và ngựa có vẻ quen quen, ông lặng lẽ quan sát, lát sau như thoáng có nét vui trên mặt vì đã nhìn ra được kỵ sĩ kia là một nữ lang, đang nằm dài trên lưng ngựa cho ngựa sai hết tốc lực, tóc soà theo gió bay về phía sau, lộ khuôn mặt kiều diễm, chẳng ai xa lạ chính là người con gái mà vị Chỉ Huy đang lo lắng, mong chờ, cô Út, con gái cưng của ông.

Ngựa đến gần, nữ lang nhẩy xuống ngựa nhẹ như chiếc lá rụng, vội vàng cúi đầu thì lễ với vị Chỉ Huy và thì thào mật báo: “Thưa phụ thân, đêm qua con ở trong làng để dò thám, bây giờ đã nắm được toàn thể kế hoạch rút lui của bọn giặc nên vội vã về bẩm báo để phụ thân biết và định đoạt. Chúng sẽ dùng hoả công bằng cách đốt đuôi trâu để phá vậy.”

Vị Chỉ Huy phá lên cười rồi ghé tai con gái thì thầm: “Điều dự đoán của cha đã thành sự thật rồi con ạ ! Quả nhiên chúng đã rơi vào cái bẫy của ta, phen này Tổng Vàng không chết thì cũng bị thương, nếu không bị tiêu diệt toàn quân thì cũng bị tổn thất đến nỗi không còn đủ sức bành trướng ra khỏi vùng rừng núi Ninh Bình, Hà Nam được nữa”

Nói xong, ông lấy trong người ra một bản đồ, trải ra trước mặt con gái mà rằng: “Con nhìn rõ chưa, chỗ tô mực đỏ là xã Uy Viễn, đang bị giặc chiếm đóng đốt phá, nhà ta ở là thôn Kính Chúc, bộ chỉ huy giặc đóng ở đó, và đang bị ta bao vây rất gắt, còn các thôn kia thì bọn lâu la đang cướp phá, tàn sát tàn nhẫn. Bây giờ chúng quyết mở đường máu mà rút về Quèn Cả là cửa ngõ vào khu rừng núi rậm rạp, chạy dọc từ đó lên châu Chi Nê thuộc tỉnh Hà nam, từ Quèn Cả đi theo chiều ngang qua nhiều núi rừng rậm rạp sẽ đến con sông Khuốt, Gián Khâu, (sông Đáy) sông này cũng chạy đến thị xã Hà Nam, nó là ranh giới, Hà Nam-Ninh Bình, có chỗ sông hẹp chảy giữa hai bên núi cao, có tên là Kẽm Trống mà thi sĩ Hồ xuân Hương đã đề vịnh:

**Hai bên là núi, giữa là sông  
Có phải đây là, Kẽm Trống không?  
Trên núi gió rung, cây lắc cắc  
Dưới sông sóng vỗ, nước long bong**

Bây giờ con đề ý đến những nơi tô mực xanh là địa điểm đóng quân hay là những điểm tiến quân và phục kích của quân ta.

**Về phía Nam thôn ta**, là quốc lộ 15, con đường này chạy gần làng Đé Hạ lên phủ Nho Quan rồi lên Hoà Bình, mặt khác chạy qua huyện lỵ Gia Viễn(phố Me) nơi quân ta đóng bản doanh, đến ngã ba Gián Khẩu rẽ về trái qua bến đò Khuốt đi Hà Nam, rẽ phải đi tỉnh lỵ Ninh Bình có núi Non Nước

Bên kia quốc lộ 15 ta có bốn điểm đóng quân:

1-Làng Đé Hạ, còn có tên là Kiến Phong, trên bờ sông Viễn Đé (sông này còn có tên là Hoàng Long, phát nguồn từ dãy núi Chi Nê, Hà Nam chạy qua khúc Đé Viễn qua Nho Quan chây vòng về giữa làng Diêm Giang và làng Trường Yên, nơi đóng đô của ba đời vua: Đinh tiên Hoàng, Lê đại Hành, Lý công Uẩn, sau vua Lý dời đô về Thăng Long, thành Hà Nội ngày nay, tương truyền rằng khi Đinh bộ Lĩnh còn nhỏ, người làng Đại Hữu bên cạnh làng Diêm Giang, cha mẹ mất sớm phải đi ở, chăn trâu cho chú, thường tụ chúng tập trận bông lau ở động Hoa Lư, Quèn Cả thuộc làng Uy Tế cách Đại Hữu chừng bốn năm cây số. Khi giết trâu khao quân chú biết tin tìm đến Hoa Lư, ngài bỏ chạy khi đến bờ sông khúc giữa Diêm Giang và Trường Yên ngài kêu: “Long ơi, cứu ta với”tự nhiên có con rồng hiện lên đưa ngài sang sông từ đó con sông này được gọi là Hoàng Long Giang. Con đường ngài chạy trốn chú, từ phố Me đến bờ Long giang, sau này người ta đắp đất xe ngựa có thể đi lại được gọi là đường Tiên Yết. Dân vùng đó thường truyền tụng câu ca dao: Đại Hữu sinh vua, Diêm Giang sinh thánh)

3-Làng Ngô Đồng

4-Quận lỵ Gia Viễn, (phố Me) Đại bản doanh

**Về phía Tây thôn ta** là Hoàng Long Giang, sông này chạy mãi lên châu Chi Nê, bên kia sông, ta có bốn điểm phục binh, chạy từ Đé Hạ đến gần đồi Nga My, đối diện với làng Mai Phương.

**Về phía Bắc thôn ta**, ta có hai điểm phòng thủ cũng là hai điểm tiến quân:

1-Làng Mai Phương

2-Làng Uy Tế

Và bốn điểm phục binh:

Hai điểm ở Quèn Cả, một ở Động Hoa Lư, trong Thung Lá và một ở hang quận Heo (nơi đóng quân xưa của giặc Nguyễn hữu Cầu tục gọi là quận Heo, bị Trần đình Trọng, bạn học lúc thiếu thời, thừa lệnh vua Tự Đức nhà Nguyễn đem quân tiêu diệt giặc và bắt sống được Cầu đem chánh pháp).

**Về phía Đông thôn ta**, hai nơi phòng thủ cũng là hai điểm tiến quân:

1-Làng Đoan Bình

2-Làng Bình Khang

Con đường đất chạy từ quốc lộ 15, song song với Hoàng Long Giang ta bỏ trống Bồng ông đứng ngay ngắn, giọng nghiêm nghị:

Ta phong cho người làm “Đốc Binh Toàn Vùng Gia Viễn” hãy cầm cờ lệnh này đi đốc chiến toàn trận địa, trực tiếp thay ta ra lệnh cho tất cả những đơn vị tráng binh phải tiến, thoái, phục binh theo chiêng, trống, tù và và hiệu cờ không được sơ xuất, nếu vi phạm sẽ nghiêm trị theo quân pháp.

1-“Người hãy ra lệnh cho những toán quân đóng dọc quốc lộ

15, đào hầm hố phòng thủ, câu liêm, trường thương cho thật sắc bén, chiêm trống tù và đây đủ, chờ khi thấy giặc thả trâu bò, tẩm dầu ở đuôi đốt lửa, chạy trốn, thì cho chiêm trống nổi lên trợ oai khiến trâu bò hoảng sợ không dám chạy về phía mình, giữ nguyên thế thủ, chờ địch lạc đến thì bắt hoặc giết, riêng đội Ngô Đồng, khi nào nghe thấy chiêm trống đồng la từng hồi dồn dập là lập tức chia làm hai toán: một xông ngay vào thôn Kính Chúc, một xông vào những thôn ở Uy Viễn tiếp tay với những toán dân quân phục sẵn ở đó để vẫn hồi trật tự, an ninh, dập lửa, cứu người,

Những toán: Đoàn Bình, Bình Khang, Uy Tế, Mai Phương

lập tức lùi lại một dặm hạ trại, mở rộng trận địa cho giặc chạy ra, đào hào phòng thủ, chuẩn bị khí giới, tinh thần chờ khi nghe lệnh chiêm trống, đồng la tù và dồn dập thì cho quân dàn hàng ngang vây địch, dồn địch về phía sông Hoàng Long và phía Quèn Cả.

2-Ra lệnh trung dụng tất cả những thuyền bè trên sông Hoàng Long khúc sông từ Mai Phương đến Đê Hạ. Ngay từ bây giờ trở đi nghiêm cấm tất cả những cư dân trong vùng không được qua lại trên khúc sông này cho đến khi có lệnh mới, nếu vi lệnh sẽ nghiêm trị

3-Những điểm phục binh trên bờ Long Giang tráng binh phải nằm bất động, không được bật lửa hút thuốc hay cho ngựa hí om sòm, chờ khi đàn trâu lửa chạy xuống sông, hỗn loạn bơi qua sông, người chỉ huy mới được ra lệnh hoả pháo, bắn tên, dùng câu liêm móc chân trâu, bắt giặc đang mệt mỏi và đói rét, vì đêm nay đêm ba mươi mùa đông tối trời, ta hành sự dễ dàng.

4-Những đạo quân phục ở Quèn Cả, động Hoa Lư và hang quận Heo, có đội hỏa thương của huyện tham chiến, khí thế rất hùng hậu, con ra lệnh cho họ phòng thủ rất cẩn mật vì đây là hiểm địa, bọn thủ lĩnh của giặc phải cố mở đường máu ở đây, để thoát về sào huyệt, có thể chúng cũng đặt ở đây một vài đồn phòng thủ, hãy cho thám sát chung quanh nếu có lập tức cho ngựa phi báo ta sẽ cấp quân viện ngay.

5-Cho lệnh ăn cơm tối sớm hơn ngày thường, chuẩn bị chờ lệnh chiến đấu, địch sẽ cho đội trâu lửa xông ra mở đường máu ở cổng Bắc này, vào lúc đêm tối thích hợp nhất là vào lúc canh hai, gần nửa đêm.

Để có người tiếp ứng, ta cho Đinh Hoà cùng đi với con thi hành quân vụ này, bọn giặc này võ nghệ cao cường, mưu trí xảo quyệt, lòng dạ độc ác, con phải bàn luận với Hoà mà hành sự thật cẩn thận, may may không được sơ xuất, khinh địch, nên nhớ câu “Chớ cùng dứt dậu, giặc cùng chớ đuôi” và phải về phục lệnh trước canh hai, nghĩa là càng sớm càng tốt.

Sau khi hai viên cận tướng đi rồi, viên Chi Huy cho lệnh nói lòng vòng vây ở cổng chính Bắc, nhường trận địa cho đàn trâu lửa chạy ra nhưng phục binh sẵn hai bên với những dụng cụ, khí giới phá hỏa công của địch.

Đồng thời ra nghiêm lệnh cho dân làng không được vắng lai trong vùng sắp xảy ra chiến trận, bất tuân sẽ xử theo quân pháp chiến trường

Mặt trời như chậm chạp lặn dần về tây, bóng đêm cũng từ từ phủ kín vùng đồi núi chập trùng Quèn Cả, Hoa Lư và tràn rất nhanh về vùng quốc lộ 15, những chiến binh, khí giới đây người, đang âm thầm, nín thở, từng giây phút chờ địch, quyết chiến đấu đến cùng, để bảo vệ xóm làng, tuy chưa đến canh hai nhưng bóng tối đã

mù mịt, giáp mặt không nhận ra nhau của một đêm cuối tháng, mùa đông lạnh lẽo.

Trong làng khói đen vẫn bốc từng cụm từng cụm, nhà vẫn cháy, sáng rực một vùng, tiếng ồn ào, đập phá, hò hét của bọn giặc không ngớt, cùng với những tiếng ngựa hí, trâu bò, heo bị chọc tiết ....

Bỗng tiếng đại pháo nổ liên hồi, cổng làng phía Bắc mở rộng một đàn trâu, bò đuôi bị tầm lửa đốt cháy, hoảng hốt chạy bừa ra khỏi cổng làng, phía sau là bọn giặc tay cầm khiên, tay cầm kích, giáo, mác, trường thương, mã tấu, hùng hổ tiến sau đàn trâu.

Đúng lúc đó thì tám phương tứ hướng những tiếng chiêng trống, tù và, đồng la, quân reo ngựa hí khắp vùng nổi lên như vây tròn bọn giặc vào giữa. Đàn trâu bò lửa càng hoảng sợ, càng hăng máu chạy bừa, không chịu sự khống chế của bọn giặc, cho nên có những tên giặc bị trâu bò húc phải hay đốt cháy, giặc tự động chia làm hai toán hỗn loạn, một chạy theo đàn trâu bò bạt về phía sông Hoàng Long, một chạy về phía Quèn Cả, phần nhiều cưỡi ngựa tốt, đi đầu là Cai Tổng Vàng, với đoàn đầu mục hộ vệ, gặp ngay vị Chỉ Huy họ Nguyễn với đoàn tùy tùng, họ lao vào hỗn chiến, hai chủ tướng đánh nhau mỗi lúc mỗi hăng, gươm đưa giáo đỡ hàng trăm hiệp vẫn bất phân thắng bại, Cai Vàng nóng lòng muốn dứt điểm nên cho ngựa lùi lại dùng miếng đũa đao, miếng sát thủ của mình, mà kết liễu địch thủ cho nhanh, kéo đêm dài lắm mộng, nhưng Nguyễn Chỉ Huy đâu phải tay tầm thường, biết đối thủ là tay cường địch hiểm có trên đời mình, nên lúc nào cũng đề ý đề phòng cẩn mật, vừa thấy địch thủ cho ngựa lui lại, bèn tương kế tựu kế, giật cương cho ngựa quay đầu lại, đưa trường thương đỡ đao, đúng lúc đó hai ngựa sát gần nhau, tay trái rút thanh trường kiếm đeo ở hông bên phải, đâm một nhát chí mạng vào ngực địch thủ, bỗng một tiếng keng, tay viên Chỉ Huy rung động, rời kiếm, vội đưa thương lên giữ thế thủ, đưa mắt nhìn lại thì ra một tên đầu mục đứng gần đó đã ra sức cứu chủ tướng. Cả hai cùng tấn công họ Nguyễn với những đòn sát thủ, cướp đường tẩu thoát, Họ Nguyễn cố cản ngăn nhưng đến hiệp thứ năm mươi ông đã cảm thấy mệt mỏi, đường thương đã loạn, chân tay rã rời. Ông gắng gượng chống đỡ thêm vài hiệp nữa, chờ biến động vì thấy trận thế bây giờ đã loạn đả, hai bên giáp lá cà, hỗn chiến, bọn trâu bò lửa cùng bọn giặc cũng đã tản mát khắp nơi, những tráng đinh vũ dũng cưỡi ngựa cũng vắng dần, mạnh ai nấy lo, không ai tiếp cứu ai được nữa, vừa lúc đó có hai kỵ sĩ đang cho ngựa phi như bay về phía trận địa, họ Nguyễn dồn hết nội lực toàn thân vào hai cánh tay để đỡ hai khí giới của hai địch thủ, đồng thời giật cương ngựa cho lùi lại một bước hét lớn: “Ta ở đây, cứu ta”. Hai ngựa lạ vừa sát ngựa vị Chỉ Huy, hai trường thương vung lên, kẹp chặn hai vũ khí của giặc đánh phía trước và ngang hông của họ Nguyễn. Vừa thoát hiểm trong đường tởm kẻ tóc, họ Nguyễn như lấy lại được tinh thần và sức lực, ngay lập tức, thừa cơ Tổng Vàng chưa kịp thu khí giới về, dùng toàn lực đâm một thương vào ngang hông địch, một đòn chí tử. Nhưng Vàng quả là tay kiêu dũng, gặp nguy không loạn, bèn biến chiêu lách mình tránh khỏi, nhưng cánh tay cũng bị thương nặng nên không giám ham chiến, vội vọt ngựa tẩu thoát cùng với tay đầu lĩnh cận tướng, Hoà và Út nào chịu buông mối, giật cương tuấn mã ruổi theo rất gấp, họ Nguyễn dơ tay ngăn lại nhưng không kịp, vội cho ngựa vọt theo, đồng thời hạ lệnh truy kích

Nghĩa gần đến Quèn Cả thì có một toán nữ binh y phục màu đen, đầu quấn khăn màu vàng ào ra chặn toán tráng đinh lại. Đi đầu có một nữ tướng, tay cầm đại đao, y phục đen tuyền, ngực có gắn chữ “nữ soái”, đầu cũng chít khăn vàng thêu kim tuyến, dùng đao chặn ngựa của Út và Hòa lại, dùng toàn lực mà quyết lấy mạng đối thủ, miệng kêu la: “Không được sát hại chồng ta, những tên quê mùa kia”. Thì ra “Hắc Y Tam Nương,” vợ ba Cai Tổng Vàng, từ Kinh Bắc, nơi mà nàng có tiếng là kiêu hùng, mưu trí, dân chúng thán phục, nghe tin chồng bị bao vây nên đã cùng với toán nữ binh thân tín, phi ngựa suốt này đêm qua bao nhiêu rùng núi đến cứu viện, vừa gặp được địch quân nơi đây, lao đầu vào vòng chiến ngay, tin vài ba chiêu là hạ được địch, nhưng đánh đến hai mươi chiêu vẫn bất phân thắng bại, nàng ngạc nhiên, nhìn đôi thanh niên nam nữ quê mùa mà võ nghệ lại giỏi đến thế. Đột nhiên Hắc Y Tam Nương như nhớ ra chuyện gì, bèn hét lớn: “À thì ra người là “Hồng Y Nương” còn tên kia có phải là “Tam Lang Thương” mà người đời thường kêu là “Nam Nữ Hiệp Nhị Thương ở Hoa Lư Động phải không? Bồng thiếu nữ cười lên khanh khách: “Đã biết danh ta sao không bỏ giáo quy hàng. Ta tưởng Hắc Y Tam Nương ba đầu sáu tay, nhưng tài cán chỉ có thế!”

Hắc Y Tam Nương khích tướng: “Hai người đánh một, thế là anh hùng! Có giám đấu với ta hai trăm hiệp không?”

Thiếu nữ áo hồng: “Ta há sợ mi, anh Hòa để mụ này cho em, anh đi bắt tên Vàng mà lập công, kéo hấn thoát mất”. Hoà vừa cho ngựa lùi lại để tránh thế đao sát thủ, vừa trả lời bạn: “Không được, anh không an tâm, mụ này lợi hại lắm” Cô gái bồng nghiêm mặt lại: “Thế là anh cũng không tin võ nghệ của Hồng Y Nương này ư?...đi .. đi Hoà, tin em ...đừng lo cho em.” Hoà vẫn tần ngần không nỡ để người yêu chiến đấu một mình với cường địch, nếu có điều gì, đao thương nào có mắt! nhưng lúc đó chàng đã nhìn thấy vị Chi Huy họ Nguyễn cũng vừa cho ngựa phi đến, chàng hô to : “Anh đi nhé, em cẩn thận, không được khinh địch nghe không!” Nói chưa dứt lời, ngựa đã chạy biến vào đồi núi xa rồi.

Thấy người yêu nghe lời, nàng mỉm cười, cầm chặt trường thương lao đầu vào quyết chiến, dùng toàn những miếng võ ác hiểm đã khổ luyện hàng mấy năm trời nay có dịp sử dụng. Thương qua đao lại, hai ba trăm hiệp vẫn bất phân thắng bại, càng đánh càng hăng, một bên thì kinh nghiệm chiến trường, một bên thì thiếu nữ sung sức, lại học hết võ nghệ gia truyền của nhà họ Nguyễn.

Trời đã sang tỏ, chiến trận càng ác liệt, quân cứu viện của giặc càng lúc càng đông, quân phục kích ở Quèn Cả cũng xông ra tham chiến. Thấy tình hình bất lợi cho quân mình, Nguyễn Chi Huy cho lệnh thu quân, theo đúng câu ông thường khuyên đệ tử “giặc cùng chó đuổi”

Họ Nguyễn và hai cận tướng trở về làng, làng bây giờ là một bãi chiến trường tàn cuộc, ngổng ngang những cột nhà cháy dở dang, xác gà, vịt, heo, trâu, bò xen lẫn cả xác người rải rác khắp đó đây, nhà cụ Bá, cụ Cửu, những nhà giàu còn đang cháy rực đỏ, tuy tráng đinh đã ra sức khống chế được ngọn lửa không cho lan sang nhà khác, nhưng những kho lúa bị cháy khói đen bốc lên mù mịt cả một góc trời, lúc này khói lên càng dày đặc khét lẹt, cay mắt, khó thở vì gặp nước tưới vào tạo nên một bầu không khí ngột ngạt, khiến người bị hắt hơi liên hồi, đàn bà trẻ nhỏ bị ho sặc sụa, ngất xỉu. Nói tóm lại làng bị tàn phá gần hết, trừ những nhà

nghèo ở hẻo lánh, xa những nhà giàu có, trâu bò và những nông cụ cây cối đều hư hại nặng nề. Tiếng khóc, tiếng la, tiếng hỏi thăm nhau của những người di tản mới trở về càng thêm ồn ào nhưng âm đăm, nã nề, thê lương, tang tóc như chưa từng xảy ra trong làng này bao giờ.

**Tổng kết trận chiến:**

***1-Về phía tráng đinh:***

-***Xã Uy Viễn*** giặc đóng bản doanh nên bị ***thiệt hại vật chất*** nặng nhất, phải ***hàng chục năm trời mới hồi sinh*** lại được, tuy nhiên vài ba người chết, năm bảy người bị thương nặng và một số ít tráng đinh bị thương nhẹ.

-***Tráng đinh các làng*** trong các tổng, huyện thiệt hại không đáng kể, vài người chết, chín mười tráng đinh bị thương nặng vì ham lập công đuổi giặc, vài chục người bị thương nhẹ.

***2-Về phía Giặc:*** bị ***thiệt hại nặng***: bị bắt hơn trăm, bị giết trăm tên còn chạy thoát theo lối Quèn Cả về sào huyệt

***Vây có thơ vịnh trận Quèn Cả như sau:***

*Trận chiến xem ra, quá khác thường*

*Gái quê mà, phải xuất đao thương*

*Cứu dân thoát khỏi, vòng tử địa*

*Là sức tre xanh, sức tỵ cường*

+ +

*Xóm làng thân tộc, nội ngoại thương*

*Sớm tối nhìn nhau, nghĩa cương thường*

*Lành rách áo cùng, chung sức sống*

*Giặc thua, tội phạm, phá môi trường*

Sau này, khi tôi lớn lên, thanh niên trong làng vẫn còn thường tập võ nghệ và còn di tích trận đánh, nước ao về mùa thu thường có váng nổi trên mặt nước, người già cả thường cho đó là tiền kẽm bị cháy thành than cùng với thóc lúa bị cháy quyện với bùn lắng đọng dưới đáy ao, tuy hàng năm đều có vét bùn nhưng không hết được váng đó, hào sâu thì vẫn còn, tuy bây giờ không ai tu sửa thường xuyên như xưa nhưng cũng là nơi chúng tôi thường ngồi câu cá tán gẫu vẫn chương con cóc vào những đêm trăng sáng mùa hè vì nơi đây có nhiều cá trê, cá rô ẩn nấp trong các hang hốc xa xưa

Tôi ghi lại câu chuyện kể này nhằm mục đích chứng minh là ***nước ta không hề có giai cấp công nhân, chỉ có nông dân*** cần cù cấy cấy, sống êm đềm, ôn hoà dùm bọc lẫn nhau trong “***tất lửa tối đèn***”, trong “***luỹ tre làng***” mà giáo sư Vũ quốc Thúc gọi là “***óc xã thôn***”. Nhờ biết đoàn kết trong xóm ngoài làng, kính trên nhường dưới, sống có trật tự, có luân lý, có đạo đức, mà đình làng là nơi tượng trưng cho “***phép vua thua lệ làng***”, mà chùa là nơi tượng trưng cho “***từ bi hỷ xả, thiện ác phân minh, sám hối tội lỗi***”. Đó là nếp sống văn hoá riêng biệt của dân tộc Việt, một dân tộc lấy nông nghiệp làm nền tảng mà phát huy, mà sinh tồn, nhờ đức tính cần cù chịu khó, nhẫn nại, dũng cảm, bền bỉ cố bám lấy đất mà khai

hoang lập ấp, một mặt phải chống với thiên nhiên nắng mưa bão tố, rừng thiên nước độc, ác thú côn trùng, một mặt phải chống đối với anh láng giềng khổng lồ phương Bắc lúc nào cũng lăm le lấy thịt đè người, mà lập quốc mà kiến quốc thật muôn vàn khó khăn, vất vả của cha ông mới tạo được một quốc gia có 4000 năm văn hiến, nhưng ***nay cộng đảng đã phá tan hết nền văn hoá đó.***

Nhớ lại, năm 1945 bọn cộng sản Việt đã lợi dụng lòng yêu nước của toàn dân, chống ngoại xâm dành độc lập dân tộc, mà ngụy tạo nên cái mà chúng gọi là “***giai cấp địa chủ***” theo óc hoang tưởng của chúng để gượng ép thay thế “***tu bản bóc lột tây phương***” cho đúng chủ thuyết Mác Lê không tưởng để mà phóng tay phát động quân chúng, tiêu diệt trí, phú, địa, hào từ năm 1950 trở đi ...khiến cho cương thường đảo ngược, luân lý đảo điên, cha con chồng vợ đầu tó tận diệt nhau, giàu nghèo loạn đả, kẻ ác lộng hành, tình người biến đổi, kẻ ngu cuội cổ, kẻ trí trâu bò, địa ngục trần gian, hoảng loạn tâm tư, miệng câm tai điếc. Thật là:

*“Xóm làng sơ xác hoang tàn*

*Tre xanh héo hắt, trắng ngàn hết xinh*

*Trẻ thơ nào biết hoảng kinh*

*Sữa không còn bú, mặc tình mẹ ru*

*Khóc lên những tiếng đặc thù*

*Vú gầy cổ kéo, mặc dù xác không*

*Trích trang 182 trong Phạm Lãi Tây Thi của DT Phong*

*Hay:*

*Nhớ thuở ấy chưa xa là mấy nhỉ?!*

*Lũ cường nhân tràn ngập chốn thôn trang*

*Tiếng khóc than, gieo rắc khắp xóm làng*

*Mùi tử khí sực lên bao uất hận*

*Thơ của DT Phong năm 1963*

Thật ra từ lâu chúng đã nhận ra uy quyền “***trong luỹ tre xanh***” đều nằm trong ***tay những hào trưởng*** trong các xã, tổng nhưng chúng không hề đá động đến, ***đây là lấy thực làm hư*** (mà sau này, năm 1950, chúng gọi là “Giai cấp địa chủ”) chứ ***không phải trong tay các quan lại*** mà chúng thường rêu rao là giai cấp phong kiến, ***đây là lấy hư làm thực*** để lừa dối thiên hạ, chứ thực ra giai cấp này cũng như giai cấp công nhân không hề xuất hiện trong nước ta cho nên chúng đã lợi dụng lòng yêu nước của con cái họ và chính cả họ nữa để thành công trong ngày 19 tháng 8 năm 1945 rồi sau đó ***tân diệt trong đầu tó ruộng đất*** năm 1950 thật là bất ngờ, gọn ghẽ và bất nhân.

Dương Thanh Phong

Orange County, CA, USA